TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **25**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2018.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐHPT ngày 12/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **NTN**, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn Ni, xã DT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn***:** Anh **TVP**, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký HKTT: Khu 6, thị trấn DD, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Hiện trú tại: Thôn Ni, xã DT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTN trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh TNPkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã DDT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sống không có trách nhiệm với vợ con. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm gì tới nhau nữa, anh P thỉnh thoảng về nhà 1, 2 ngày trong tuần nhưng cũng không dàn xếp chuyện gia đình.

Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

2.Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu TTH, sinh ngày 14/11/2008; THL, sinh ngày 29/5/2011 và Tô Tường Vi, sinh ngày 08/01/2017, hiện đang do chị nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị xin nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh TNPnhưng anh P không đến làm việc, do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh P.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/8/2018, Công an xã DDT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cung cấp:

Anh Tô N P, sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 6, thị trấn DD, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Hiện nay anh P có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại: Thôn Ni, xã DT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Cuộc sống của giữa anh P và chị N không hạnh phúc, vợ chồng nhiều lần xô xát phải nhờ đến sự can thiệp của chính quyền địa P.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/8/2018, người làm chứng cung cấp như sau:

Anh là hàng xóm của anh TNPvà chị NTN, quá trình sinh hoạt ở địa P nhiều lần anh P và chị N mâu thuẫn, xô xát với nhau. Anh P thỉnh thoảng về nhà nhưng hai vợ chồng không hàn gắn được quan hệ vợ chồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng minh được mâu thuẫn giữa chị N và anh P tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giao chị NTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là TTH, sinh ngày 14/11/2008; THL, sinh ngày 29/5/2011; Tô Tường Vi, sinh ngày 08/01/2017, ghi nhận chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"*, anh TNPcó đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại xã DDT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh TNPđã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị NTN và anh TNPkết hôn ngày 25/3/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã DDT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, chị N kiên quyết xin ly hôn anh P, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do, từ chối đến Tòa án làm việc, từ chối cung cấp ý kiến của mình. Đồng thời hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không cùng chung sức xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*. Như vậy hiện tại chị N và anh P đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị NTN và anh TNPcó 03 con chung là TTH, sinh ngày 14/11/2008; THL, sinh ngày 29/5/2011; Tô Tường Vi, sinh ngày 08/01/2017. Khi ly hôn chị N xin nuôi dưỡng 03 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện các con chung đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định cùng chị N, cháu Vi còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu Huyền và cháu Linh đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn tâm lý không cần thiết cho các cháu. Do đó, cần tiếp tục giao các cháu TTH, sinh ngày 14/11/2008; THL, sinh ngày 29/5/2011; Tô Tường Vi, sinh ngày 08/01/2017 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị NTN không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị NTN phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị NTN, cho chị NTN được ly hôn anh Tô N P.

2. Về con chung: Giao các cháu TTH, sinh ngày 14/11/2008; THL, sinh ngày 29/5/2011; Tô Tường Vi, sinh ngày 08/01/2017 cho chị NTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh TNPđược quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị NTN phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008244 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Đức Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**